

“Hiểu đúng về dân tộc Việt Nam: Không phải ưa chiến tranh mà yêu độc lập”

ThS. LÊ CẨM NHUNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: hoahongnhung881986@gmail.com

Nhận ngày 24 tháng 12 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2026.

Tóm tắt: Việt Nam - một đất nước nhỏ bé ở khu vực Đông Nam Á - trong suốt chiều dài lịch sử đã gắn liền với hình ảnh của những cuộc kháng chiến trường kỳ và gian khổ. Từ những cuộc chiến chống ngoại xâm đến các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, người Việt Nam dường như luôn hiện diện trong thế trận chiến tranh. Chính vì vậy, có không ít quan điểm cho rằng người Việt là dân tộc ưa chiến tranh, hiếu thắng và không chuộng hòa bình. Tuy nhiên, một cái nhìn công bằng và toàn diện về lịch sử sẽ giúp chúng ta hiểu rõ: người Việt không ưa chiến tranh, mà chiến đấu để giành lại độc lập - điều thiêng liêng và cốt lõi trong tâm hồn dân tộc.

Từ khóa: Việt Nam; lịch sử; giải phóng; dân tộc; hòa bình; chiến tranh, chiến đấu; độc lập.

Abstract: Vietnam - a small country in Southeast Asia- has been closely associated with prolonged and arduous wars throughout its long history. From resistance wars against foreign invaders to struggles for national liberation, the Vietnamese people have often found themselves in a state of warfare. As a result, some viewpoints have portrayed the Vietnamese as a warlike, aggressive people who do not value peace. However, a fair and comprehensive view of history reveals a different truth: the Vietnamese do not like war; rather, they fight to reclaim independence- an element that is sacred and fundamental to the national spirit.

Keywords: Vietnam; history; liberation; nation; peace; war; struggle; independence.

1. Đặt vấn đề

Lịch sử Việt Nam là một chuỗi dài của những cuộc đấu tranh giữ nước. Trong suốt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, tổ tiên ta không ngừng đứng lên khởi nghĩa, từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu, đến Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền... để bảo vệ cội nguồn dân tộc và quyền tự chủ. Đến thời nhà Trần, ba lần quân dân Đại Việt đánh bại giặc Nguyên - Mông hùng mạnh, không phải vì ham chiến công, mà vì không chấp nhận bị xâm lược. Lê Lợi với cuộc kháng chiến chống quân Minh, Quang Trung - Nguyễn Huệ đánh tan 29 vạn quân Thanh, tất cả đều vì độc lập, tự chủ, chứ không phải tham vọng mở rộng lãnh thổ hay khơi mào chiến tranh.

Sang thế kỷ XX, Việt Nam tiếp tục trở thành tâm điểm của các cuộc chiến tranh lớn - từ chống thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ. Nhưng xuyên suốt các cuộc chiến ấy, chưa bao giờ Việt Nam là bên khơi mào. Người Việt Nam cầm súng không phải để chiếm đoạt ai, mà để gìn giữ những gì thuộc về mình - đất đai, dân tộc, nền văn hóa, và lòng tự tôn. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng

nói: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, cho thấy rõ lý tưởng cao đẹp mà người Việt theo đuổi. Trong nhiều trường hợp, Việt Nam từng chủ động đàm phán để tránh xung đột như Hiệp định sơ bộ 1946 với Pháp hay Hiệp định Paris 1973 với Mỹ. Điều đó chứng minh rằng hòa bình luôn là ưu tiên, chiến tranh chỉ là lựa chọn bất đắc dĩ. Người nói: “Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, hòa bình thực sự, hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải thứ hòa bình giả tạo, “hòa bình kiểu Mỹ”.

Do đó, quan điểm cho rằng người Việt ưa chiến tranh là một sự hiểu lầm, có thể là do nhìn phiến diện vào những cuộc chiến trong quá khứ mà không đặt chúng vào bối cảnh lịch sử - nơi Việt Nam luôn ở thế bị xâm lược, bị áp bức. Không ai thẩm giá giá trị của hòa bình hơn những người từng chịu cảnh chiến tranh tàn phá. Ngày nay, dân tộc Việt Nam tiếp tục thể hiện tinh thần yêu chuộng hòa bình qua nhiều mặt. Về văn hóa, người Việt đề cao lòng nhân ái, lối sống chan hòa, hiếu nghĩa. Trên phương diện đối ngoại, Việt Nam theo đuổi chính sách “đa phương hóa, đa dạng hóa”, sẵn sàng là bạn với

tất cả các quốc gia trên thế giới, và tham gia tích cực vào lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay không mang tâm lý đối đầu, mà hướng tới hội nhập, sáng tạo và phát triển.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử dân tộc Việt Nam: Chiến tranh là hệ quả, không phải bản chất

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của một quá trình dài kiên cường đấu tranh để tồn tại và phát triển trong một môi trường địa – chính trị đầy biến động. Những cuộc chiến tranh mà người Việt trải qua hoàn toàn là kết quả của hoàn cảnh bị xâm lược, áp bức, buộc dân tộc này phải vùng lên tự vệ để bảo vệ sự sống còn.

Việt Nam nằm ở vị trí cửa ngõ Đông Nam Á, giáp với Trung Quốc - một cường quốc lớn. Vị trí chiến lược này khiến mảnh đất hình chữ S thường xuyên trở thành mục tiêu của các thế lực bành trướng. Theo GS. Trần Quốc Vượng, “lịch sử Việt Nam là lịch sử của một dân tộc luôn phải cảnh giác với các mối đe dọa từ bên ngoài, và không ít lần phải dùng tới chiến tranh để giữ lấy nền độc lập”. Như vậy, chiến tranh không phải là một mục tiêu, mà là phản ứng tự vệ của một dân tộc sống bên cạnh các đế chế lớn.

Ngay từ thời kỳ Bắc thuộc, các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (năm 40), Bà Triệu (năm 248), Lý Bí (năm 542), đều là những hành động giành lại quyền tự chủ, không mang tính chất xâm lược. Ngô Quyền năm 938 đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, lập nên nền độc lập tự chủ sau hơn một thiên niên kỷ bị đô hộ, đó không phải là tuyên bố chiến tranh, mà là tuyên ngôn hòa bình bằng máu.

Đến thời nhà Trần, ba lần đại thắng quân Nguyên - Mông (1258, 1285, 1287) là minh chứng cho lập trường phòng thủ. Dù giành thắng lợi áp đảo, nhà Trần không hề tiến quân sang phương Bắc để trả đũa. Danh tướng Trần Hưng Đạo từng nói: “Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã!” - câu nói thể hiện ý chí không khuất phục, nhưng cũng không mang trong mình tham vọng bành trướng.

Sang thế kỷ XX, Việt Nam tiếp tục phải đương đầu với chủ nghĩa thực dân và đế quốc, luôn là bên bị xâm lược. Trong tác phẩm của Viện Sử học, các nhà sử học nhấn mạnh: “Dân tộc Việt Nam không lựa chọn chiến tranh, mà bị ép buộc phải bước vào cuộc chiến để bảo vệ lãnh thổ, danh dự và quyền tự quyết”. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Thư gửi Chính phủ Pháp (1946) đã viết:

“Dân tộc Việt Nam chỉ muốn độc lập và hòa bình. Nhưng nếu bị bắt buộc phải chiến đấu thì chúng tôi chiến đấu đến cùng”. Câu nói ấy phản ánh rõ tinh thần: hòa bình là đích đến, còn chiến tranh chỉ là biện pháp cuối cùng.

Sau chiến tranh, Việt Nam không hề ôm lòng thù hận, kêu gọi hòa hợp dân tộc, khuyến khích hồi hương và tái thiết. Chính sách đối ngoại từ sau Đổi mới (1986) đến nay luôn hướng đến “đa phương hóa, đa dạng hóa” và “làm bạn với tất cả các nước”. Sự tham gia của Việt Nam vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc là minh chứng rõ ràng: một dân tộc từng bị chiến tranh giày xéo đang tích cực góp phần xây dựng một thế giới không có chiến tranh.

2.2. Vì sao nói người Việt ưa chiến tranh là sai lầm

Nhận định cho rằng “người Việt ưa chiến tranh” là một sự ngộ nhận lệch lạc về lịch sử, và là sự xuyên tạc bản chất nhân văn và yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam. Người Việt chưa bao giờ chủ động gây chiến tranh, mà luôn bị buộc phải cầm vũ khí để bảo vệ sự sống còn và quyền tự quyết của mình.

2.2.1. Chiến tranh - kết quả của hoàn cảnh, không phải sự lựa chọn chủ động

Lịch sử cổ trung đại: Suốt hơn một thiên niên kỷ Bắc thuộc (179 TCN - 938), người Việt không ngừng nổi dậy. Các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, ba lần chống quân Nguyên Mông, kháng chiến chống quân Minh (1407 - 1427) đều là những hành động kháng chiến tự vệ, nhằm giành lại quyền tự chủ, chứ không vì tham vọng bá quyền.

Thế kỷ XX: Việt Nam tiếp tục bị các thế lực ngoại bang can thiệp. Pháp xâm lược Việt Nam từ 1858. Các phong trào khởi nghĩa (Cần Vương, Yên Thế...) không phải để giành quyền lực cho một nhóm người, mà để đòi lại độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Sau khi tuyên bố độc lập năm 1945, Pháp quay trở lại gây Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946 - 1954). Chính phủ Hồ Chí Minh vẫn nhiều lần nhượng bộ, ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) để tránh xung đột. Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Geneva (1954), cuộc chiến tranh chống Mỹ (1954 - 1975) nổ ra không phải vì người Việt chọn con đường vũ lực, mà vì sự can thiệp quân sự của nước ngoài vào tiến trình thống nhất đất nước.

Không có chiến tranh nào vì tham vọng: Trong toàn bộ chiều dài lịch sử, chưa từng có cuộc chiến tranh nào do người Việt chủ động khơi mào với mục tiêu bành trướng lãnh thổ. Không có triều đại nào của Việt Nam

tiến hành chinh phạt các quốc gia khác ngoài biên giới vì mục đích bá quyền.

Từ lịch sử cổ đại cho đến hiện đại, Việt Nam luôn rơi vào vị thế “buộc phải chiến đấu”, không phải vì mong muốn, mà vì sự sống còn của dân tộc, chủ quyền quốc gia bị đe dọa. Chính vì vậy, nói người Việt ưa chiến tranh là một sự hiểu lầm tai hại, thậm chí là bóp méo lịch sử. Ngược lại, chính dân tộc Việt Nam, sau mỗi cuộc chiến, đều thể hiện rõ khát vọng sống yên bình, hòa hợp và nhân ái, cho thấy chiến tranh chỉ là hệ quả của hoàn cảnh - không bao giờ là sự lựa chọn chủ động của một dân tộc yêu chuộng hòa bình.

2.2.2. Tư tưởng nhân nghĩa, trọng hòa hiếu trong truyền thống văn hóa và chính trị Việt Nam

Tư tưởng nhân nghĩa, trọng hòa hiếu là cốt lõi tinh thần đã nuôi dưỡng dân tộc Việt. Người Việt từ xưa đã đề cao tinh thần sống nhân hậu, khoan dung, biết nhẫn nhịn. Các câu tục ngữ như “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách” tạo nên một nền văn hóa hòa ái, đề cao sự dung hòa, không cực đoan, không hiếu sát.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa từng cổ súy bạo lực, luôn nhấn mạnh phải “lấy dân làm gốc”, phải “đem đại đoàn kết để thắng lợi”. Ngay cả sau chiến thắng năm 1975, đất nước vẫn chọn con đường hòa giải dân tộc, không có trả thù, không có thanh trừng, mà là lời kêu gọi “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai”.

Ngày nay, truyền thống nhân nghĩa tiếp tục được phát huy trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đất nước chủ trương làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, không chọn phe, không can thiệp vào công việc nội bộ nước khác.

Nhìn lại, ta thấy rõ: người Việt không yêu chiến tranh, cũng không chọn chiến tranh làm cách để khẳng định mình. Trái lại, cả lịch sử và hiện tại đều minh chứng rằng tư tưởng nhân nghĩa và trọng hòa hiếu là cốt lõi làm nên bản sắc của dân tộc - một dân tộc đã biết đau thương, nên càng biết quý trọng bình yên; đã từng bị chia cắt, nên càng khao khát đoàn kết. Đó là sức mạnh mềm, là niềm tự hào, và cũng là ngọn lửa gìn giữ bản lĩnh Việt giữa thế giới nhiều biến động hôm nay.

2.2.3. Lịch sử hiện đại: Việt Nam không chọn chiến tranh, mà chọn bảo vệ chính nghĩa

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một minh chứng rõ ràng: không phải bằng một cuộc chiến tranh tổng lực, mà bằng sức mạnh toàn dân tộc, người Việt đã giành lại chính quyền. Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư và lời kêu gọi hòa bình. Người viết: “Chúng tôi thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Việt Nam không chọn đánh nhau, mà chọn độc lập.

Kháng chiến chống Mỹ: Mục tiêu lớn nhất là thống nhất đất nước. Việt Nam đã nhiều lần đưa ra đề xuất thương lượng hòa bình (Hội nghị Genève 1954, đàm phán tại Paris 1968-1973). Cuộc chiến đó không phải để xâm lược ai, mà là để tái lập một nền độc lập, toàn vẹn và có chủ quyền.

Chiến tranh biên giới: Sau năm 1975, Việt Nam đối mặt với Chiến tranh biên giới Tây Nam với Khmer Đỏ (1978) và chiến tranh biên giới phía Bắc với Trung Quốc (1979). Việt Nam bị buộc phải chiến đấu để tự vệ. Việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia năm 1978 để lật đổ chế độ diệt chủng Khmer Đỏ là một hành động vì nghĩa lớn, được hậu thuẫn bởi chính lời kêu cứu của người dân Campuchia.

Hòa giải, tái thiết: Sau mỗi cuộc chiến, Việt Nam luôn chọn con đường hòa giải, tái thiết và hướng tới tương lai. Sau năm 1990, Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Trung Quốc và mở rộng hợp tác với các quốc gia từng là cựu thù.

2.2.4. Thực tiễn hòa bình và phát triển sau chiến tranh

Tinh thần hòa hợp, không nuôi dưỡng thù hận. Sau khi đất nước giành được thống nhất vào năm 1975, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương hòa giải dân tộc, kêu gọi người Việt ở miền Nam và kiều bào ở nước ngoài trở về. Điều này cho thấy người Việt không chủ trương “giành chiến thắng để cai trị” mà để hàn gắn vết thương chiến tranh.

Chủ động hội nhập quốc tế: Kể từ thời kỳ Đổi mới (năm 1986), Việt Nam đã chủ động mở rộng quan hệ với các quốc gia. Việt Nam gia nhập ASEAN (1995), WTO (2007) và ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 190 quốc gia.

Góp phần gìn giữ hòa bình thế giới: Từ năm 2014, Việt Nam đã cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Việc Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2020 - 2021) đã cho thấy niềm tin của cộng đồng quốc tế vào vai trò tích cực, yêu chuộng hòa bình.

Tập trung phát triển kinh tế: Việt Nam lựa chọn con đường phát triển kinh tế - xã hội làm trung tâm, thay vì chạy đua vũ trang. Tăng trưởng GDP ổn định, tỷ lệ đổi

nghèo giảm mạnh, cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại, đời sống người dân được cải thiện rõ rệt - tất cả cho thấy người Việt hướng đến xây dựng tương lai, chứ không nuối tiếc quá khứ chiến tranh. Việt Nam không xây dựng hình ảnh một quốc gia “chiến thắng”, mà là một quốc gia có trách nhiệm, yêu chuộng hòa bình và khao khát phát triển thịnh vượng vì con người.

Chiến tranh không phải là lựa chọn của Việt Nam. Đó là phản ứng tự nhiên và tất yếu khi một dân tộc bị dồn đến ranh giới của tồn vong. Điều mà người Việt lựa chọn, từ sâu thẳm trong căn tính dân tộc, là sự chính nghĩa, là khát vọng độc lập, là quyền sống trong tự do và hòa bình. Và chính nhờ tinh thần đó, dân tộc này đã không những vượt qua được những cuộc chiến tàn khốc nhất của thế kỷ XX, mà còn đứng lên từ đổ nát, trở thành một quốc gia độc lập, có tiếng nói, có vị thế, và được bạn bè quốc tế tôn trọng.

2.3. Góc nhìn văn hóa - xã hội hiện nay: Một dân tộc yêu chuộng hòa bình

Thực tiễn văn hóa - xã hội hiện nay khẳng định rằng người Việt Nam là một dân tộc yêu chuộng hòa bình một cách tự nhiên và sâu sắc.

2.3.1. Tư tưởng sống hòa thuận, bao dung trong đời sống thường nhật

Tinh thần yêu hòa bình thể hiện ở đời sống cộng đồng. Câu tục ngữ “Tối lửa tắt đèn có nhau” là minh chứng cho tinh thần tương trợ lẫn nhau, sống chan hòa, tránh mâu thuẫn và xung đột. Đây chính là nền tảng tinh thần của một xã hội biết tôn trọng sự ổn định và đồng thuận.

2.3.2. Ngoại giao hiện đại của Việt Nam

Việt Nam đã xác lập một nguyên tắc ngoại giao nhất quán: “Đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, làm bạn với tất cả các nước, không chọn phe, không gây hấn, không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác”. Việt Nam không dựa vào sức mạnh quân sự, mà lựa chọn sức mạnh của lòng tin, hợp tác và luật pháp quốc tế. Việt Nam còn thể hiện vai trò tích cực trong gìn giữ hòa bình thế giới.

2.3.3. Giới trẻ Việt Nam: Tư duy hội nhập, không cực đoan

Thanh niên Việt Nam không mang tư tưởng cực đoan, không bị cuốn theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Thay vào đó, họ đề cao các giá trị của hội nhập quốc tế: học hỏi, chia sẻ, hợp tác và sáng tạo. Trong tư duy của thế hệ mới, chiến tranh không còn là biểu tượng của vinh quang, mà là điều cần tránh. Sức mạnh quốc gia thời nay không

nằm ở vũ khí, mà nằm ở năng lực con người, ở khả năng sáng tạo và hợp tác toàn cầu.

Từ truyền thống văn hóa đến chính sách quốc gia và tư duy thế hệ trẻ, mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam hôm nay đều đang chuyển động theo một hướng rõ rệt: xây dựng một quốc gia yêu chuộng hòa bình, lấy hợp tác làm nền tảng, và hướng tới sự phát triển bền vững. Điều đó cho thấy, khẳng định “người Việt ưa chiến tranh” không chỉ sai về lịch sử, mà còn mâu thuẫn hoàn toàn với thực tiễn văn hóa - xã hội hiện nay. Việt Nam là một dân tộc từng trải qua chiến tranh, nên càng khao khát hòa bình. Và đó chính là điểm làm nên chiều sâu nhân bản của dân tộc này trong thế giới hiện đại.

3. Kết luận

Nhìn từ lịch sử, văn hóa đến thực tiễn xã hội hiện đại, có thể khẳng định rằng: Việt Nam không phải là một dân tộc ưa chiến tranh, mà là một dân tộc yêu hòa bình, sống trọng nghĩa, trọng tình, và chỉ buộc phải cầm vũ khí khi không còn lựa chọn nào khác để bảo vệ độc lập và chính nghĩa. Những cuộc chiến mà Việt Nam từng trải qua không phải do lòng hiếu chiến, mà là hệ quả tất yếu của hoàn cảnh bị xâm lăng, bị áp bức. Sau chiến tranh, Việt Nam luôn chọn con đường hòa giải, tái thiết và phát triển, thay vì nuôi dưỡng hận thù hay tìm kiếm sự đối đầu.

Tư tưởng nhân nghĩa, hòa hiếu đã thấm sâu vào đời sống cộng đồng, thể hiện trong chính sách ngoại giao “đa phương hóa, hòa bình và hợp tác” và được tiếp nối bởi thế hệ trẻ. Vì vậy, nhận định cho rằng “người Việt ưa chiến tranh” không chỉ sai lầm về mặt lịch sử, mà còn lệch lạc khi nhìn vào thực tế hiện tại. Ngược lại, Việt Nam là minh chứng sống động cho một dân tộc từng trải qua đau thương chiến tranh, nhưng vẫn giữ vững được bản sắc hòa bình và khát vọng phát triển bền vững cho tương lai./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS Trần Văn Giàu (1983). *Đạo làm người Việt Nam*.
2. *Giáo trình Lịch sử Việt Nam hiện đại*. T.2 (1858 -1975) - ĐHQG Hà Nội, Khoa Lịch sử.
3. *Giáo trình Văn hóa Việt Nam*. Nxb. Giáo dục Việt Nam - 1997
4. Hồ Chí Minh. toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật - 1990.
5. Vũ Ngọc Phan.(2021). *Kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam*.
6. *Nghiên cứu Hán Nôm và các văn bản Nho giáo - Phật giáo - Tư tưởng Hồ Chí Minh*.
7. *Sách trắng Đối ngoại Việt Nam* (2021) - Bộ Ngoại giao
8. *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam* (2019) - Bộ Quốc phòng Việt Nam
9. Tài liệu Hội nghị Genève 1954, Hội nghị Paris 1973 - Thư viện Quốc hội & Văn phòng Chính phủ
10. Phan Kế Bính. (1915). *Việt Nam phong tục*.